

Tác động của chuyển dịch cơ cấu kinh tế đến trình độ phát triển kinh tế và chất lượng cuộc sống

Đinh Phi Hồ

Trường Đại học Kinh tế TP.HCM - dinhphiho@gmail.com

Ngày nhận: 22/01/2014
Ngày nhận lại: 31/03/2014
Ngày duyệt đăng: 11/04/2014
Mã số: 0214-O-01

Tóm tắt

Trong quá trình công nghiệp hóa (CNH) (1976 – 2012), nền kinh tế VN đã thay đổi trình độ phát triển theo hướng của một nền kinh tế công nghiệp hiện đại. Tương ứng, cơ cấu kinh tế cũng chuyển dịch theo hướng tăng tỉ trọng khu vực công nghiệp – dịch vụ trong GDP. Để thấy rõ vai trò của chuyển dịch, cần xác định bản chất của chuyển dịch cơ cấu kinh tế là nhằm vào điều gì, và mô hình định lượng cho tác động của chuyển dịch. Đây chính là thách thức đối với các nhà nghiên cứu và hoạch định chính sách ở VN. Để góp phần giải quyết vấn đề này, tác giả sử dụng số liệu thống kê của giai đoạn 1986 – 2012, mô hình hồi quy và mô hình VARs với kiểm định nhân quả Granger để phân tích tác động của chuyển dịch cơ cấu kinh tế đến trình độ phát triển kinh tế. Kết quả cho thấy chuyển dịch cơ cấu kinh tế có tác động đến trình độ phát triển kinh tế, năng suất lao động và chất lượng cuộc sống. Nghiên cứu cũng cung cấp nền tảng cho mô hình dự báo tác động của chuyển dịch cơ cấu kinh tế.

Abstract

During the industrialization period (1976-2012), Vietnam gradually became a modern industrial economy and its economic structure also changed accordingly with increasingly larger shares in the GDP for manufacturing and service sectors. To identify the role of such changes, we should determine objectives of the structural changes and therefore establishing a quantitative model for measuring impacts of these changes becomes a challenge to researchers and policy makers in Vietnam. To solve this problem, the author employs statistics for the years 1986-2012, regression model, VAR model and Granger causality test and conducts this research. The results show that structural changes affect level of economic development, labor productivity and quality of life. The research also provides a basis for predicting impacts of structural changes.

Từ khóa:

Chuyển dịch cơ cấu kinh tế, mô hình hồi quy, mô hình VARs, kiểm định Granger, quá trình công nghiệp hóa.

Keywords:

Structural changes

1. CHUYỂN DỊCH CƠ CẤU KINH TẾ VÀ MỤC TIÊU CHUYỂN DỊCH

Theo Lewis (1954), khu vực nông nghiệp – nông thôn có tình trạng dư thừa lao động, để thực hiện tăng trưởng nền kinh tế cần dịch chuyển lao động dư thừa từ khu vực nông nghiệp sang khu vực công nghiệp và dịch vụ. Quá trình dịch chuyển này sẽ đẩy nhanh tăng trưởng kinh tế trên cơ sở tăng trưởng của khu vực công nghiệp và dịch vụ và tăng trưởng nông nghiệp theo chiều sâu – tăng trưởng trên cơ sở tăng năng suất lao động nông nghiệp.

Theo Rostow (1960), quá trình phát triển kinh tế của một quốc gia trải qua 5 giai đoạn phát triển từ trình độ thấp lên cao, bao gồm: Xã hội truyền thống, chuẩn bị cất cánh, cất cánh, trưởng thành và tiêu dùng cao. Giai đoạn cất cánh là bước ngoặt của thay đổi trình độ phát triển kinh tế và là mục tiêu cho các nước đang phát triển. Quá trình chuyển dịch từ trình độ phát triển thấp lên trình độ cao hơn đi theo hướng từ một nền kinh tế nông nghiệp truyền thống sang nền kinh tế đan xen truyền thống với hiện đại và nền kinh tế công nghiệp hiện đại. Quá trình này cũng thể hiện sự chuyển đổi từ nền kinh tế với tỉ trọng nông nghiệp thống trị trong GDP sang nền kinh tế có tỉ trọng công nghiệp – dịch vụ thống trị trong GDP.

Dựa vào các công trình nghiên cứu về sự phát triển của nhiều quốc gia trong giai đoạn 1965 – 1980, Fisher (1935) và Clark (1940) cho rằng tương ứng với quá trình thay đổi từ nền kinh tế có trình độ phát triển thấp sang cao hơn, tỉ trọng lao động của ngành nông nghiệp trong tổng lao động của nền kinh tế có xu hướng giảm dần. Trình độ phát triển kinh tế từ thấp đến cao (trình độ thu nhập thấp, trung bình và thu nhập cao) phụ thuộc vào tỉ trọng lao động nông nghiệp. Nếu nền kinh tế có tỉ trọng lao động nông nghiệp lớn hơn 70%, trình độ phát triển kinh tế ở tình trạng thu nhập thấp. Nếu nền kinh tế có tỉ trọng lao động nông nghiệp nhỏ hơn 70% và lớn hơn 7%, trình độ phát triển kinh tế ở tình trạng thu nhập trung bình. Nếu nền kinh tế có tỉ trọng lao động nông nghiệp nhỏ hơn 7%, trình độ phát triển kinh tế ở tình trạng thu nhập cao.

Một nghiên cứu tương tự của Chenery giai đoạn 1950-1973 cho thấy tương ứng với quá trình thay đổi từ nền kinh tế có trình độ phát triển thấp sang cao hơn, tỉ trọng GDP nông nghiệp trong GDP có xu hướng giảm dần, trong khi tỉ trọng GDP khu vực công nghiệp có xu hướng tăng dần. Nền kinh tế phát triển từ thấp đến cao (trình độ kém phát triển, đang phát triển và phát triển) phụ thuộc vào: (1) Tỉ trọng GDP nông nghiệp, GDP công nghiệp; và (2) Quy mô GNP/người. Nếu nền kinh tế có tỉ trọng GDP nông nghiệp lớn hơn tỉ trọng GDP công nghiệp và GNP/người < 600 USD, nền kinh tế ở tình trạng

kém phát triển. Nếu có tỉ trọng GDP nông nghiệp nhỏ hơn tỉ trọng GDP công nghiệp và $600 < \text{GNP/người} < 3.000 \text{ USD}$, nền kinh tế ở tình trạng đang phát triển. Nếu có tỉ trọng GDP nông nghiệp nhỏ hơn tỉ trọng GDP công nghiệp và $\text{GNP/người} > 3.000 \text{ USD}$, nền kinh tế ở tình trạng phát triển. Đặc biệt là tại điểm ngoặt (tỉ trọng GDP nông nghiệp bằng tỉ trọng GDP công nghiệp), nền kinh tế sẽ chuyển đổi từ kém phát triển sang đang phát triển. Vượt qua khỏi điểm ngoặt là mục tiêu mà các nước kém phát triển quan tâm.

Kuznets (1964) cho rằng đóng góp của nông nghiệp trong tốc độ tăng trưởng GDP giữ vai trò quyết định trong giai đoạn đầu của quá trình CNH, nhưng giảm dần trong dài hạn.

Theo Thirwall (1994), hai mục tiêu cơ bản của phát triển kinh tế là chuyển dịch cơ cấu từ nền kinh tế nông nghiệp truyền thống sang cơ cấu của nền kinh tế hiện đại và nâng cao chất lượng cuộc sống của đại bộ phận dân cư xã hội.

- Cơ cấu kinh tế thể hiện trên 4 mặt: Cơ cấu GDP, cơ cấu lao động, cơ cấu ngoại thương, và cơ cấu đô thị hóa.

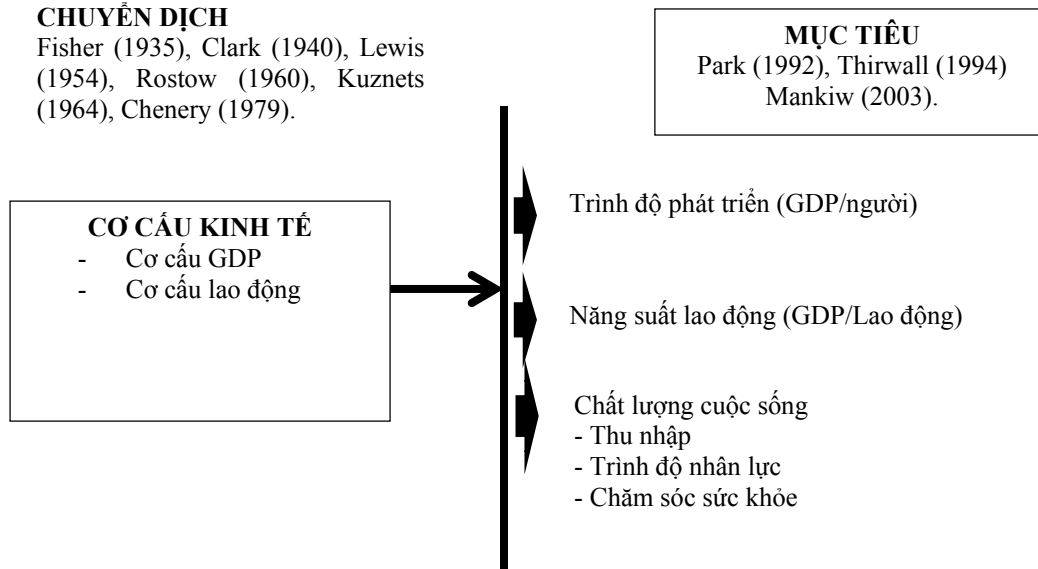
- Chất lượng cuộc sống thể hiện ở 3 mặt: Tuổi thọ dân cư, trình độ dân trí, và thu nhập dân cư.

Xu hướng chuyển dịch sang trình độ phát triển kinh tế cao hơn được thể hiện qua: Tỉ trọng GDP công nghiệp và dịch vụ ngày càng cao; tỉ trọng lao động nông nghiệp ngày càng thấp; trình độ mở của nền kinh tế nâng cao (tỉ trọng giá trị xuất nhập khẩu so với GDP); tốc độ tăng trưởng dân số thành thị cao hơn tốc độ tăng trưởng dân số tự nhiên; và tuổi thọ trung bình dân cư, trình độ văn hóa và thu nhập dân cư được nâng cao.

Mankiw (2003) và Park (1992) đưa ra 2 luận điểm: (1) Đầu tư cho phát triển con người hôm nay chính là tạo ra trình độ công nghệ cao hơn cho nền kinh tế trong dài hạn và ảnh hưởng tới tăng trưởng GDP; và (2) Năng suất lao động thể hiện thước đo của chất lượng nguồn nhân lực và chính nó quyết định nâng cao thu nhập cho lao động. Sự khác nhau về thu nhập của người lao động ở các nước đang phát triển và nước phát triển chính là do sự khác nhau về năng suất lao động, hay nói cách khác, sự khác nhau về chất lượng của nguồn nhân lực.

Như vậy, lí thuyết kinh tế học cho thấy chuyển dịch cơ cấu kinh tế là một quá trình tất yếu trong phát triển kinh tế. Xu hướng chuyển dịch phải nhằm thực hiện trình độ phát triển kinh tế, năng suất lao động và chất lượng cuộc sống cao hơn. Dựa vào dữ liệu thực tiễn ở VN, chuyển dịch cơ cấu kinh tế được đo lường qua 2 thước đo: cơ cấu GDP và cơ cấu lao động (Hình 1). Mục tiêu của chuyển dịch thể hiện trên 3 mặt: Trình độ phát triển

kinh tế (GDP/người), năng suất lao động (GDP/lao động), và chất lượng cuộc sống của dân cư.



Hình 1. Mục tiêu của chuyển dịch cơ cấu kinh tế

2. THỰC TRẠNG CHUYỂN DỊCH CƠ CẤU KINH TẾ Ở VN

2.1. Xu hướng chuyển dịch đối với tăng trưởng và cơ cấu kinh tế

Trong 27 năm qua, VN duy trì tốc độ tăng trưởng kinh tế cao theo xu hướng tăng ổn định (bình quân hàng năm là 7,3% trong giai đoạn 1986-2012), các giai đoạn phát triển duy trì tăng trưởng ổn định (giai đoạn 1986 - 1994 là 8,5% so với 7,2% của giai đoạn 1995-2012). Mặc dù bị ảnh hưởng của suy thoái kinh tế thế giới tác động, tốc độ tăng trưởng GDP của VN trong 3 năm gần đây (2010-2012) vẫn duy trì trên 5,7%. Bảng 1 cho thấy trong năm 1986, tốc độ tăng trưởng GDP là 8,6%, trong đó đóng góp của khu vực nông nghiệp là 19%. Trong năm 2012, tốc độ tăng trưởng GDP là 5,2%, trong đó đóng góp của khu vực nông nghiệp chỉ còn 11,4%. Như vậy có sự thay đổi đáng kể trong tác động của hai khu vực này đối với tốc độ tăng trưởng kinh tế trong thời gian qua. Nếu năm 1986, yếu tố quyết định đối với tốc độ tăng trưởng là khu vực nông nghiệp thì đến năm 2012 yếu tố quyết định ảnh hưởng đến tăng trưởng kinh tế là khu vực phi nông nghiệp: Công nghiệp và dịch vụ.

Bảng 1. Đóng góp từng khu vực trong tốc độ tăng trưởng kinh tế (2000 – 2011)

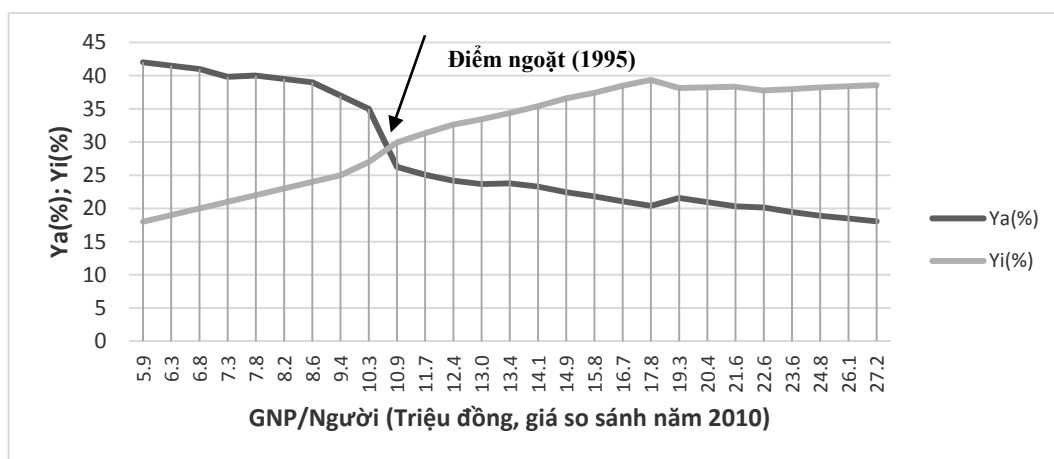
(ĐVT: %)

	1986		2012	
	Tốc độ tăng trưởng	Tỉ trọng	Tốc độ tăng trưởng	Tỉ trọng
GDP	8,6	100,0	5,2	100,0
Khu vực nông lâm thủy sản		19,0		11,2
Khu vực phi nông nghiệp (công nghiệp - dịch vụ)		81,0		88,8

Ghi chú: GDP, GDP nông nghiệp, GDP phi nông nghiệp tính theo giá so sánh 2010. Đóng góp của nông nghiệp trong tốc độ tăng trưởng GDP được tính theo công thức Kuznets.

Nguồn: Tổng cục Thống kê (2013) và ước lượng của tác giả

Trong vòng 27 năm, cơ cấu kinh tế đã có sự chuyển dịch rõ nét theo hướng tỉ trọng của khu vực nông nghiệp trong GDP giảm dần (42% trong năm 1986 còn 18% trong năm 2012), trong khi khu vực phi nông nghiệp (công nghiệp và dịch vụ) ngày càng chiếm tỉ trọng cao hơn trong GDP.



GDP/người: Tổng sản phẩm quốc nội tính trên người (triệu đồng, giá so sánh 2010)

Hình 2. Quan hệ giữa công nghiệp và nông nghiệp về tỉ trọng trong GDP

Nguồn: Tổng cục Thống kê (2013) và ước lượng của tác giả.

Bảng 2 cho thấy trong thời gian qua, trình độ phát triển kinh tế ở VN thể hiện rất rõ nét, khi trình độ phát triển càng cao (GDP/người), tỉ trọng khu vực nông nghiệp (Pa) có xu hướng giảm dần trong khi tỉ trọng khu vực phi nông nghiệp (Pn) có xu hướng tăng

dần. Trước năm 1995, tỉ trọng khu vực nông nghiệp lớn hơn khu vực công nghiệp, từ năm 2008, xu hướng trở nên ngược lại (Hình 2).

Tại giao điểm của đường Ya (%) và Yi (%), tỉ trọng của nông nghiệp ngang bằng với tỉ trọng công nghiệp trong GDP. Giao điểm này cũng là điểm ngoặt, năm 1995, Ya (%) > Yi (%). Trước năm 1995, khu vực nông nghiệp đóng góp chủ yếu trong GDP và sau điểm ngoặt, GDP phụ thuộc vào khu vực công nghiệp. Theo mô hình Chenery, trình độ phát triển kinh tế VN đang trong giai đoạn phát triển.

2.2. Chuyển dịch cơ cấu ngành và trình độ phát triển

Một trong các thước đo chuyển dịch cơ cấu ngành kinh tế là tỉ trọng từng khu vực trong GDP. Trình độ phát triển được đo lường bởi GDP/người. Trong quá trình CNH, khi trình độ phát triển cao hơn, tỉ trọng khu vực phi nông nghiệp phải ngày càng cao. Do đó, giả thiết đặt ra là:

H₁: Chuyển dịch cơ cấu theo hướng tỉ trọng khu vực phi nông nghiệp ngày càng lớn sẽ tác động cùng chiều với trình độ phát triển kinh tế.

Mối quan hệ tỉ trọng khu vực phi nông nghiệp và trình độ phát triển kinh tế được kiểm định qua mô hình hồi quy tuyến tính đơn, số liệu trong giai đoạn 1986 – 2012, kết quả phương trình ước lượng: $Y = -32,495 + 65,083P_n$; trong đó Y là biến phụ thuộc: GDP/người (triệu đồng, giá so sánh 2010), và biến độc lập P_n : Tỉ trọng khu vực phi nông nghiệp trong GDP (%). Tác giả đã thực hiện các kiểm định hệ số hồi quy, mức độ phù hợp và giải thích mô hình, R^2 hiệu chỉnh: 0,762.

Hệ số hồi quy của biến P_n có $\text{Sig.} \leq 0,05$. Như vậy, biến tỉ trọng khu vực phi nông nghiệp trong GDP là biến ảnh hưởng cùng chiều đối với trình độ phát triển kinh tế có ý nghĩa với mức tin cậy trên 95%.

2.3. Chuyển dịch cơ cấu ngành và năng suất lao động

Một trong các thước đo chuyển dịch cơ cấu ngành là tỉ trọng từng khu vực trong GDP. Năng suất lao động được đo lường bởi GDP/lao động. Trong quá trình CNH, khi trình độ phát triển cao hơn, tỉ trọng khu vực phi nông nghiệp phải ngày càng cao. Do đó, giả thiết đặt ra là:

H₂: Chuyển dịch cơ cấu theo hướng tỉ trọng khu vực phi nông nghiệp ngày càng lớn sẽ tác động cùng chiều với năng suất lao động ở VN.

Mối quan hệ tỉ trọng khu vực phi nông nghiệp và năng suất lao động được kiểm định qua mô hình hồi quy tuyến tính đơn, số liệu trong giai đoạn 1986 – 2012, kết quả phương

trình ước lượng: $Y = 0,506 + 0,008Pn$; trong đó Y là biến phụ thuộc: GDP/Lao động (triệu đồng, giá so sánh 2010), và biến độc lập Pn : Tỷ trọng khu vực phi nông nghiệp trong GDP (%). Đã thực hiện các kiểm định hệ số hồi quy, mức độ phù hợp và giải thích mô hình, R^2 hiệu chỉnh: 0,81.

Hệ số hồi quy Pn có $\text{Sig.} \leq 0,05$. Như vậy, biến tỷ trọng khu vực phi nông nghiệp trong GDP (Pn) là biến ảnh hưởng cùng chiều đối với năng suất lao động (Y) có ý nghĩa với mức tin cậy trên 95%.

2.4. Chuyển dịch cơ cấu ngành và chất lượng cuộc sống

Chất lượng cuộc sống thể hiện trên 3 khía cạnh: Thu nhập (thu nhập quốc gia tính trên người; nghìn đồng, giá so sánh 2010), trình độ nhân lực (số sinh viên cao đẳng và đại học tính trên 10.000 dân) và trình độ chăm sóc sức khỏe (số bác sĩ tính trên 10.000 dân).

Trong quá trình CNH, khi trình độ phát triển cao hơn, tỷ trọng khu vực phi nông nghiệp phải ngày càng cao. Do đó, giả thiết đặt ra là:

H₃: Chuyển dịch cơ cấu theo hướng tỷ trọng khu vực phi nông nghiệp ngày càng lớn sẽ tác động cùng chiều với chất lượng cuộc sống của dân cư.

H_3 có thể được kiểm định qua phương trình hồi quy khái quát: $Y = b_0 + b_1Pn$

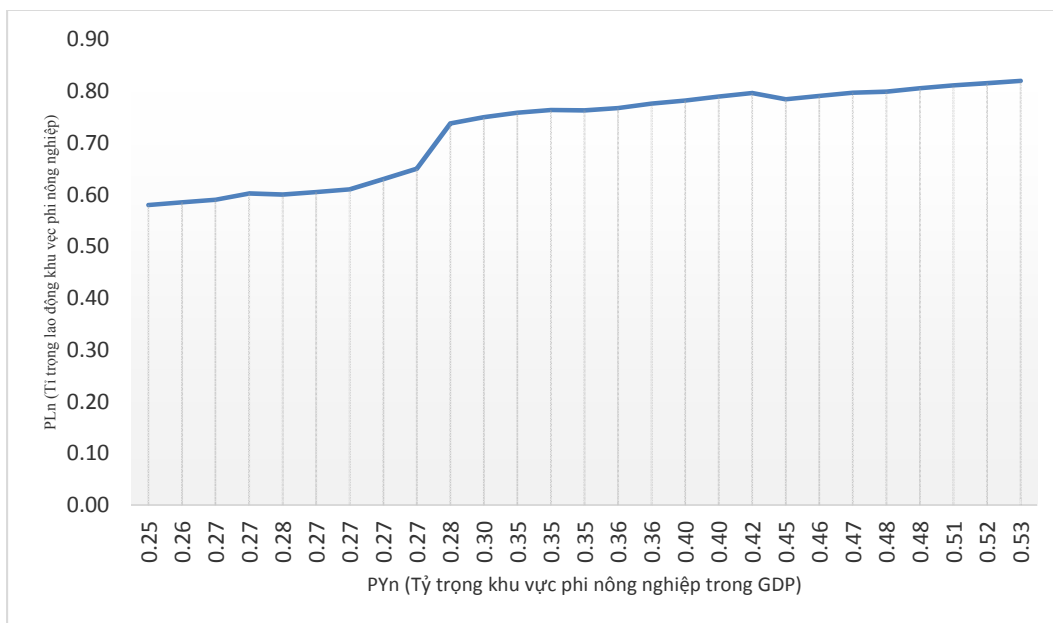
Bảng 2. Kết quả hồi quy của mô hình quan hệ giữa tỷ trọng khu vực phi nông nghiệp (Pn) và chất lượng cuộc sống

Phương trình hồi quy của chuyển dịch cơ cấu ngành kinh tế - Thu nhập/người/năm $Y = 0,156 + 0,015 \cdot Pn$ (1) R^2 hiệu chỉnh: 0,976; ANOVA: $F = 1036,2$; $\text{Sig.} = 0,000$ *Mức ý nghĩa nhỏ hơn 5% Pn : Biến độc lập (Tỷ trọng khu vực công nghiệp – dịch vụ trong GDP)	Y: Biến phụ thuộc (Thu nhập/người/năm)
Phương trình hồi quy chuyển dịch cơ cấu ngành kinh tế - Trình độ nhân lực $Y = -4363,2 + 7179,3 \cdot Pn$ (2) R^2 hiệu chỉnh: 0,657; ANOVA: $F = 50,7$; $\text{Sig.} = 0,013$ *Mức ý nghĩa nhỏ hơn 5%	Y: Biến phụ thuộc (Số sinh viên CĐ-ĐH/10.000 dân)

Phương trình hồi quy chuyển dịch cơ cấu ngành kinh tế - Trình độ chăm sóc sức khỏe $Y = -5,03 + 14,0 * P_n$ $R^2 \text{ hiệu chỉnh: } 0,745; \text{ ANOVA: } F = 76,9; \text{ Sig.} = 0,000$ *Mức ý nghĩa nhỏ hơn 5%	Y: Biến phụ thuộc (Số bác sĩ/ 10.000 dân) (3)
---	--

Trong Bảng 2, chuyển dịch cơ cấu ngành ảnh hưởng có ý nghĩa đối với chất lượng cuộc sống dân cư với mức tin cậy trên 95%. Phương trình hồi quy ước lượng qua các phương trình (1), (2) và (3).

2.5. Chuyển dịch cơ cấu ngành kinh tế và cơ cấu lao động



Hình 3. Quan hệ giữa PYn và PLn

Một trong các thước đo chuyển dịch cơ cấu lao động là tỉ trọng lao động từng khu vực trên tổng lao động của nền kinh tế. Khi trình độ phát triển kinh tế được nâng cao, tỉ trọng khu vực phi nông nghiệp trong GDP (PYn) và tỉ trọng lao động khu vực phi nông nghiệp (PLn) sẽ nâng cao.

Hình 3 cho thấy PYn và PLn có quan hệ cùng chiều trong quá trình CNH. Khi tỉ trọng khu vực phi nông nghiệp trong GDP (PYn) tăng thì tỉ trọng lao động khu vực phi nông nghiệp (PLn) cũng tăng.

Mối quan hệ giữa chuyển dịch cơ cấu kinh tế và chuyển dịch cơ cấu lao động được kiểm định qua mô hình hồi quy tuyến tính đơn, số liệu trong giai đoạn 1986 – 2012. Kết quả phương trình ước lượng: $PLn = -2,005 + 3,082PYn$; trong đó PLn là biến phụ thuộc: Tỉ trọng lao động khu vực phi nông nghiệp (%), và biến độc lập PYn: Tỉ trọng GDP khu vực phi nông nghiệp (%). Đã thực hiện các kiểm định hệ số hồi quy, mức độ phù hợp và giải thích mô hình, R^2 hiệu chỉnh: 0,77.

Hệ số hồi quy PYn có Sig. $\leq 0,05$. Như vậy, biến chuyển dịch cơ cấu kinh tế ảnh hưởng cùng chiều đến biến chuyển dịch cơ cấu lao động có ý nghĩa với mức tin cậy trên 95%.

Một câu hỏi đặt ra là liệu có mối quan hệ nhân quả giữa chuyển dịch cơ cấu kinh tế và chuyển dịch cơ cấu lao động, nghĩa là tỉ trọng khu vực phi nông nghiệp trong GDP tác động đến tỉ trọng lao động khu vực phi nông nghiệp hay ngược lại. Để trả lời câu hỏi này tác giả sử dụng mô hình VARs (Vector Autoregressions) và kiểm định nhân quả Granger để kiểm định mối quan hệ trên.

Kiểm định tính dừng của các chuỗi dữ liệu

Bảng 3. Kiểm định ADF tính dừng của các chuỗi dữ liệu

	PYn	D(PYn)	PLn	D(PLn)
Augmented Dickey-Fuller (ADF)				
Giả thuyết H_0	Không dừng	Không dừng	Không dừng	Không dừng
t-statistic	-1,0857	-4,2822	-2,0098	-5,0175
critical value (5% level)	-3,5950	-2,9862	-3,5950	-2,9862
P-value	0,9124	0,0027	0,5691	0,0005
Intercept	Yes	Yes	Yes	Yes
Trend	Yes	No	Yes	No
Kết luận	Không dừng	Dừng	Không dừng	Dừng

Nguồn: Dữ liệu 1986 – 2012 (Tổng cục Thống kê, 2013) và tính toán của tác giả

Bảng 3 cho thấy chuỗi PYN, PLN là các quá trình tích hợp bậc một; nghĩa là các chuỗi này sau khi lấy sai phân bậc một sẽ là chuỗi dừng.

Kiểm định tính đồng liên kết

Mô hình VAR sẽ đáng tin cậy khi các chuỗi dữ liệu không có mối liên hệ đồng liên kết. Bằng phương pháp kiểm định đồng liên kết Engle-Granger: sau khi hồi quy OLS (Ordinary Least Square) với dạng hàm tuyến tính PLN theo PYN và lưu lại phần dư; phần dư của mô hình không dừng (ADF test statistic= -0,793; test critical values ở mức ý nghĩa 5% là -1,954; P-value = 0,363) cho thấy PYN và PLN không có mối quan hệ đồng liên kết.

Kiểm định nhân quả Granger

Theo Pagan & Ullah (1999), độ trễ của VAR với dữ liệu theo năm là 6, nghiên cứu đã ước lượng mô hình VAR cho 2 chuỗi sai phân bậc một: D(PYN) và D(PLN); sau đó, thực hiện kiểm định nhân quả Granger về mối quan hệ giữa hai biến số.

Bảng 5 cho thấy cơ cấu GDP ảnh hưởng đến cơ cấu lao động (P-value của mối quan hệ D(PYN)→D(PLN) bằng 0,045, nhỏ hơn 0,05) nhưng chưa có bằng chứng về mặt thống kê để nói rằng cơ cấu lao động ảnh hưởng đến cơ cấu GDP (P-value của mối quan hệ D(PLN)→D(PYN) bằng 0,471, lớn hơn 0,05). Như vậy, có mối quan hệ nhân quả Granger một chiều từ cơ cấu GDP đến cơ cấu lao động. Vì vậy, ta có thể sử dụng cơ cấu GDP để dự báo cơ cấu lao động.

Bảng 4. Kết quả kiểm định Granger

	Chi-sq	df	Prob.	Chi*(0,05 6)
D(PLN)→D(PYN)	5,586	6	0,471	12,591
D(PYN)→D(PLN)	12,849	6	0,045	12,591

Nguồn: Tính toán của tác giả từ dữ liệu của Tổng cục Thống kê

Như vậy mô hình dự báo chuyển dịch cơ cấu kinh tế và lao động ở VN như sau:

$$PLN = -2,005 + 3,082PYN$$

Bảng 5. Kịch bản của mô hình dự báo (%)

		2010	2020	
			Kịch bản	
			PYn = 85%	PLn = 90%
I	Cơ cấu GDP			
1	- KV phi nông nghiệp	81,0	85,0	90,0
2	- KV nông nghiệp	19,0	15,0	10,0
II	Cơ cấu lao động			
1	- KV phi nông nghiệp	51,0	61,5	77,0
2	- KV nông nghiệp	49,0	38,5	23,0

Theo Ban Chấp hành Trung ương Đảng (2013), tỉ trọng khu vực công nghiệp – dịch vụ và khu vực nông nghiệp trong GDP vào năm 2020 ước lượng theo thứ tự là 85% và khoảng 30 – 35%. Trong Bảng 5, theo kết quả mô hình dự báo của nghiên cứu này, tỉ trọng lao động nông nghiệp là 38,5%. Nếu tỉ trọng khu vực công nghiệp – dịch vụ trong GDP năm 2020 là 90% thì tỉ trọng lao động nông nghiệp là 23%.

Kết luận: Quá trình CNH của VN thời gian qua cho thấy nền kinh tế đang bước vào giai đoạn đang phát triển, xu hướng chuyển dịch cơ cấu kinh tế đúng hướng, phù hợp với quy luật kinh tế phát triển và xu hướng thế giới. Chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng nâng cao trình độ phát triển, năng suất lao động và chất lượng cuộc sống của dân cư. Quá trình CNH ở VN cũng cung cấp bằng chứng rằng chuyển dịch cơ cấu kinh tế tác động đến chuyển dịch cơ cấu lao động.

3. GỢI Ý CHÍNH SÁCH THÚC ĐẨY CHUYỂN DỊCH CƠ CẤU KINH TẾ

Để thực hiện được chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội VN đến năm 2020, cần tập trung giải quyết những vấn đề sau:

3.1. Đối với chuyển dịch cơ cấu ngành kinh tế

Từ cơ cấu GDP của các ngành nông nghiệp 19%, công nghiệp – dịch vụ 81% của năm 2010 chuyển đổi cơ cấu ngành kinh tế đến năm 2020 theo hướng nông nghiệp 10 - 15%, công nghiệp – dịch vụ 85 - 90%, đòi hỏi giải quyết các vấn đề sau:

(1) Trong chiến lược phát triển kinh tế VN tới năm 2020 cần khẳng định ưu tiên phát triển công nghiệp và dịch vụ, tuy nhiên vẫn quan tâm duy trì tăng trưởng ổn định nông nghiệp.

(2) Quan tâm đến xây dựng chương trình quốc gia về chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng hiện đại hóa, CNH; trong đó cần có chính sách điều tiết ngân sách thích hợp để các thành phố lớn và trọng điểm có thêm nguồn lực thực hiện tái cấu trúc lại ngành kinh tế và nhanh chóng mở rộng cơ sở hạ tầng. Đối với các tỉnh, Chính phủ cần có các chính sách thích hợp nhằm hỗ trợ cho các địa phương thực hiện chương trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế để đẩy nhanh quá trình này bắt kịp với xu hướng chuyển dịch của cả nước.

(3) Các chương trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế của các địa phương cần phải xác định rõ ràng mục tiêu của chuyển dịch là nâng cao trình độ phát triển, nâng cao năng suất lao động và chất lượng cuộc sống của dân cư. Đây cũng là các thước đo chính để đánh giá xu hướng chuyển dịch có phù hợp hay không.

(4) Đẩy nhanh việc hoàn thiện và phát triển các khu công nghiệp, đặc biệt là các khu công nghiệp ở các vùng nông thôn nhằm tạo điều kiện mở rộng vốn và tác động tái cấu trúc kinh tế các địa phương, tạo nền tảng cho các địa phương thực hiện chương trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng HĐH, CNH.

3.2. Đối với chuyển dịch cơ cấu lao động

Để tạo điều kiện cho chuyển dịch lao động theo hướng từ tỉ trọng lao động khu vực nông nghiệp từ 49% (năm 2010) giảm xuống còn khoảng 23 - 38% (năm 2020), cần tập trung giải quyết những vấn đề sau:

(1) Có chính sách định hướng lao động khu vực nông nghiệp dịch chuyển vào các khu công nghiệp, xuất khẩu lao động, làng nghề truyền thống, dịch vụ du lịch văn hóa – sinh thái ở các địa phương.

(2) Có chính sách thu hút đầu tư, mở rộng trung tâm kỹ thuật tổng hợp – hướng nghiệp, các trung tâm dạy nghề liên kết với doanh nghiệp trong các khu công nghiệp để cung ứng lao động cho các khu công nghiệp.

(3) Tập trung đầu tư, phát triển mạng lưới trường cao đẳng nghề, trung cấp nhằm nâng cao chất lượng nguồn nhân lực trực tiếp sản xuất, phát triển các trung tâm dạy nghề cấp huyện. Có chính sách đặc biệt ưu đãi trong việc huy động năng lực dạy nghề của các tổ chức xã hội, doanh nghiệp, cá nhân nhằm cung cấp nhân lực cho việc phát triển làng nghề truyền thống, khu công nghiệp, trung tâm thương mại tỉnh, huyện. Kết hợp dạy nghề với tư vấn và trợ giúp việc làm cho lao động nông nghiệp chuyển đổi sang lĩnh vực phi nông nghiệp.

(4) Hình thành và phát triển hệ thống đào tạo, bồi dưỡng nhân lực cho xuất khẩu lao động.

(5) Nâng cao trình độ sản xuất nông nghiệp theo hướng nâng cao năng suất lao động, hướng vào sản xuất hàng hóa, chuyên môn hóa theo thế mạnh sinh thái trên các tiểu vùng. Đẩy nhanh ứng dụng mới công nghệ sinh học và cơ giới hóa trong nông nghiệp nhằm tăng hiệu quả sản xuất nông nghiệp và tiết kiệm lao động để phục vụ cho chuyển dịch cơ cấu lao động nông nghiệp■

Tài liệu tham khảo

- Ban Chấp hành Trung ương Đảng (2013), *Chiến lược phát triển kinh tế-xã hội 2011-2020*, <http://www.vietnamplus.vn/cong-bo-toan-van-cac-van-kien-dai-hoi-xi-cua-dang/84431.vnp> trích nguồn tháng 12 năm 2013.
- Chenery, H.B. (1979), *Patterns of Development, 1950-1970*, Oxford University Press for the World Bank.
- Clark, C. (1940), *Conditions of Economic Progress*, London: Macmillan & Co. Ltd.
- Đinh Phi Hồ (2008), “When Vietnam Escapes Underdeveloped?”, *Economic Development*, Number 163-March.
- Đinh Phi Hồ (2012), *Phương pháp nghiên cứu định lượng & những nghiên cứu thực tiễn trong kinh tế phát triển – nông nghiệp*, NXB Phương Đông.
- Fisher, A.G.B. (1935), *The Clash of Progress and Security*, London: MacMillan & Co. Ltd.
- Kuznets, S. (1964), *Economic Growth and the Contribution of Agriculture: Notes for Measurements*, New York: McGraw - Hill.
- Lewis, W. A. (1954), “Economic Development with Unlimited Supplies of Labour”, *Manchester School of Economic and Social Studies*, 22, pp. 131-191.
- Mankiw, N. Gregory (2003), *Principles of Economics*, New York: Worth publisher.
- Pagan, A. & A. Ullah (1999), *Nonparametric Econometrics*, Cambridge University Press.
- Park S.S. (1992, bản dịch), *Tăng trưởng và phát triển*, Viện Nghiên cứu quản lý trung ương, Trung tâm thông tin – tư liệu, Hà Nội.
- Rostow, W.W. (1960), *The Stages of Economic Growth*, Cambridge: Cambridge University Press.
- Thirlwall, A.P. (1994), *Growth and Development with Special Reference to Developing Economies*, London: Macmillan & Co. Ltd.
- Tổng cục Thống kê (2013), *Số liệu thống kê*, [http://www.gso.gov.vn/default.aspx? Tabid =217](http://www.gso.gov.vn/default.aspx?Tabid=217), trích dẫn ngày 15 tháng 11 năm 2013.